

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7, 9 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 90/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: 442 N TMK, phường N, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ 3.

Người được uỷ quyền lại: Bà Bùi Thị T - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng 6, số 10 P C T, phường P C T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956

Bà Trần Thị K, sinh năm 1955

Đều có địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Thanh Hoá.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về số tiền nợ: Tính đến ngày 08/12/2020 ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị K còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số tiền là 665.071.103đ (*Sáu trăm sáu mươi triệu không trăm bảy mươi nghìn một trăm linh ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 541.721.072 đồng; nợ lãi trong hạn: 13.926.654đ; nợ lãi quá hạn: 109.423.377 đồng.

2.2. Về thời hạn trả nợ: Bắt đầu từ ngày 20/01/2021 vào ngày 20 hàng tháng ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị K phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 6.500.000 đồng/ tháng. Đến ngày 20/6/2021 ông T, bà K phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc, lãi còn lại và số tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A Châu bằng một lần.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày thỏa thuận (ngày 09/12/2020) ông T, bà K còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền gốc còn lại phải thi hành theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số PHU.CN.300.270415 ngày 27/4/2015. Hợp đồng cấp tín dụng số PHU.CN.302.270415 ngày 27/4/2015, giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 01/Tài khoản vay: 196886109 ngày 27/4/2015 tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả nợ xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị K không trả nợ toàn bộ số tiền đã thỏa thuận trên và kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì bên được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A và các khoản chi phí phát sinh.

Tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị K theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 03/12/2020 gồm:

Quyền sử dụng đất số BV650899, sổ vào sổ cấp GCN H00906 do UBND huyện L cấp ngày 15/4/2015 cho ông Nguyễn Văn T và Trần Thị K thừa đất số 189-190, tờ bản đồ số 30, có diện tích đất là 250m² tại thôn T (nay là thôn H), xã H, có tứ cạnh như sau: Phía Đông giáp hộ bà Nguyễn Thị D, có chiều dài là 15.46m; phía Tây giáp đường nội thôn có chiều dài 15.48m; phía Nam giáp đường ngõ xóm có chiều rộng 16.65m; phía Bắc giáp hộ ông Nguyễn Văn P có chiều rộng 17.49m và toàn bộ tài sản trên đất gồm:

- 01 nhà ở 03 tầng, tường xây gạch, khung cột BTCT, diện tích xây dựng 60m², diện tích sàn 180m², xây dựng năm 2007 có tứ cạnh như sau: Phía Tây giáp đường nội thôn, phía Nam giáp đường ngõ xóm, phía Bắc giáp nhà cấp 4 mái ngói,

phía Đông giáp nhà 02 tầng.

- 01 nhà ở 02 tầng, tường xây gạch, khung cột BTCT, diện tích xây dựng 70m², diện tích sàn 140m², xây dựng năm 2017 có tứ cạnh như sau: Phía Tây giáp nhà 03 tầng, phía Nam giáp đường ngõ xóm, phía Bắc giáp hộ ông Nguyễn Văn Ph, phía Đông giáp hộ bà Nguyễn Thị D.

- 01 nhà ở cấp 4, mái ngói xây dựng năm 1987, diện tích xây dựng 120m², có tứ cạnh như sau: Phía Tây giáp đường nội thôn, phía Nam giáp nhà 03 tầng, phía Bắc giáp hộ ông Nguyễn Văn P, phía Đông giáp nhà 02 tầng.

Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số PHU.BĐCN.101.270415 ngày 27/4/2015 được công chứng tại Văn phòng Công chứng số 3, tỉnh Thanh Hoá, số công chứng 2030 quyền số 02/TP/CC-SCC ngày 27/4/2015.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị K là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Số tiền được miễn là 7.650.500 đồng (Bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng). Ông T, bà K tự nguyện chịu phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của Ngân hàng TMCP A với số tiền là 7.650.500 đồng (Bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.602.000 đồng (*Mười bốn triệu sáu trăm linh hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0008126 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

5. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS Hậu Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Cao Thị Nga